CÔNG TY ĐẤU GIÁ
HỢP DANH ĐÔNG DƯƠNG

ĐONG DUONG

Trụ sở chính: Lô DC1a-13 Nguyễn Thị Định, Quy Nhơn
ĐT: 0256.2200569-Fax: 0256.3547029-DĐ: 091.4024837
Website: www.daugiataisandongduong.com

Số: 619 /QCTBĐGTS-ĐD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 17 tháng 10 năm 2022

QUY CHẾ, THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 42/2021/HĐDV ngày 13/9/2021 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn và Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương;

Căn cứ Quy chế cuộc đấu giá số 321/QCĐG-ĐD ngày 22/9/2021 của Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-CCTHADS ngày 17/10/2022 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn về việc giảm giá tài sản (lần 11);

Nay Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương ban hành quy chế, thông báo đấu giá tài sản thi hành án, cụ thể như sau:

Tài sản đấu giá: Lô thiết bị, công cụ dụng cụ và lô đá các loại (đính kèm bảng danh mục tài sản; chi tiết theo Biên bản về việc kê biên, xử lý tài sản lập vào lúc 08 giờ ngày 03/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn).

Nơi đang bảo quản và quản lý tài sản: tại Lô CI-4, KCN Long Mỹ, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Giá khởi điểm của tài sản: 702.680.265 đồng (Bảy trăm lẻ hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng; Nộp khoản tiền đặt trước 140.000.000 đồng và tiền hồ sơ tham gia đấu giá 500.000 đồng; Bước giá 10.000.000 đồng).

Người có tài sản đấu giá: Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn

Địa chỉ: số 154 đường Cần Vương, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Nguồn gốc và tình trạng pháp lý: tài sản kê biên thi hành án của Công ty TNHH Đá tự nhiên Bình Định.

Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: liên tục kể từ ngày niêm yết đến 17 giờ ngày 04/11/2022 tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương.

Thời gian, địa điểm nộp khoản tiền đặt trước: từ ngày 02/11/2022 đến 17 giờ ngày 04/11/2022, tài khoản tại các ngân hàng của Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương gồm:

- Tài khoản số: 111002775169 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Phú Tài;

- Tài khoản số: 402034433100003 tại Ngân hàng TMCP Nam Á – Chi nhánh Quy Nhơn;

- Tài khoản số: 4309201002513 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh KCN Phú Tài;

- Tài khoản số: 58010000791694 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định;

- Tài khoản số: 0051000516083 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định.

Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá: liên tục kể từ ngày niêm yết cho đến ngày tổ chức cuộc đấu giá, tại nơi đang bảo quản và quản lý tài sản.

Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: bắt đầu lúc 14 giờ 30 phút ngày 07/11/2022 tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương.

Hình thức đấu giá: đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp.

Phương thức đấu giá: phương thức trả giá lên.

Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

* Người tham gia đấu giá là cá nhân, doanh nghiệp, trừ các trường hợp pháp luật quy định không được phép tham gia đấu giá;

* Người tham gia đấu giá phải nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ cho Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương gồm:

- 01 Giấy đăng ký và cam kết tham gia đấu giá tài sản (theo mẫu). Người tham gia đấu giá phải điền đầy đủ thông tin;

- 01 Bản phô tô giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân (cá nhân); 01 Bản phô tô Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp kèm theo giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật (doanh nghiệp);

- 01 Bản phô tô chứng từ nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá. Số tiền nộp bắt buộc phải đúng bằng số tiền theo thông báo đã quy định, nộp hoặc chuyển khoản vào tài khoản;

- 01 Bản phô tô chứng từ nộp tiền hồ sơ tham gia đấu giá. Nộp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản;

- 01 Phiếu trả giá gián tiếp;

+ Phiếu trả giá bắt buộc phải viết cùng 01 màu mực không bay màu, không được gạch bỏ, sửa chữa, tẩy xóa;

+ Phiếu trả giá bắt buộc phải bỏ vào bì thư đựng phiếu bảo mật, phải dán kín bằng keo dán và phải ký tại mép dán của bì thư;

Trường hợp nếu hồ sơ không tuân thủ các nội dung nêu trên thì không hợp lệ và bị loại không được tham gia cuộc đấu giá;

* Những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình thì chỉ được một cá nhân tham gia đấu giá;

* Một doanh nghiệp chỉ được một đơn vị tham gia đấu giá; có hai doanh nghiệp trở lên thuộc cùng một Tổng công ty thì chỉ được một doanh nghiệp tham gia đấu giá; Tổng công ty với công ty thành viên, công ty mẹ và công ty con, doanh nghiệp liên doanh với một bên góp vốn trong liên doanh thì chỉ được một doanh nghiệp tham gia đấu giá.

Trách nhiệm của người mua được tài sản đấu giá: Phải chịu trách nhiệm về tình trạng thực tế của tài sản đấu giá.

Những nội dung không quy định trong quy chế, thông báo đấu giá tài sản thi hành án này thì thực hiện theo Quy chế cuộc đấu giá số 321/QCĐG-ĐD ngày 22/9/2021;

Quy chế, thông báo đấu giá tài sản thi hành án này là một bộ phận không tách rời của các căn cứ nêu trên.

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ tại **Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương** để biết các thông tin liên quan về việc đấu giá tài sản.

Nơi nhận:
- Chi cục THADS Tp Quy Nhơn;
- Niêm yết, lưu hs, lưu Cty...

TỔNG GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.H.Đ: 05-C.T.H.D
CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH ĐÔNG DƯƠNG
T.P QUY NHƠN-T.BÌNH ĐỊNH

Lê Việt Hùng

BẢNG DANH MỤC TÀI SẢN

(Kèm theo Quy chế, thông báo đấu giá tài sản số 619/QCTBĐGTS-ĐD ngày 17/10/2022)

STT	Tên hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Khối lượng
I	**LÔ THIẾT BỊ, CÔNG CỤ DỤNG CỤ PHẾ LIỆU**			
1	Bình nén khí hiệu HANKAN	Cái	1	
2	Máy nén khí hiệu HANSHIN	Cái	1	
3	Máy sấy khí hiệu HANSHIN	Cái	1	
4	HT bàn rây chờ vận chuyển đá	HT	1	
5	Thùng đá mài	Thùng	16	
6	Kệ khung sắt	Cái	2	
7	Xe đẩy đá	Cái	107	
8	Tấm kính	Tấm	8	
9	Quạt công nghiệp	Cái	3	
10	Giàn giáo bằng sắt	Bộ	2	
11	Kệ khung sắt hộp để máy	Cái	1	
12	Dầm sắt chữ I, ngang 15cm, dài 6m	Cái	2	
13	Dầm sắt chữ I, ngang 15cm, dài 7,55m	Cái	7	
14	Thùng sắt, rộng 1,06m; cao 1,25m, dài 1,46m	Cái	3	
15	Khung sắt chữ I, dài 3,8m, cao 35cm, rộng 15cm	Cái	1	
16	Tấm sắt, dài 3,24m, rộng 1,1m, dày 02cm	Tấm	2	
17	Xe đẩy đá bằng sắt 04 bánh	Cái	1	
18	Bánh xe đẩy đá	Cái	45	
19	Khung sắt nhà để xe	Cái	1	
20	Gỗ tạp	Kg	500	

STT	Tên hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Khối lượng
21	Rơm	Kg	200	
22	Xe cộ rùa	Cái	1	
23	Máy cắt sắt cầm tay	Cái	1	
24	Cẩu quay 0,5 tấn	Cái	1	
25	Cuộn nhựa bọc đá, chiều cao 90cm	Cuộn	10	
26	Cuộn lưới bảo vệ mặt sau của đá	Cuộn	21	
27	Xe kéo vật tư	Cái	1	
28	Thùng dầu mài	Thùng	100	
29	Thùng dao chuốt keo	Thùng	13	
30	Hộp đựng dụng cụ	Cái	1	
31	Cà lê và mỏ lết	Cái	15	
32	Kệ sắt	Cái	2	
33	Bao bột trít	Bao	15	
34	La bô rửa mặt bằng men	Cái	1	
35	Bệ tiểu nam bằng men	Cái	4	
36	Tấm kính	Tấm	16	
37	Bột đá	kg	500	
38	Bao bột đá	Bao	1830	
39	Máy điều hòa hiệu Reetech	Cái	1	
40	Bàn đá dài 4,2m, ngang 1,1m, chân trụ bằng đá và 14 cái ghế khung gỗ, mặt ghế bọc da màu đen	Cái	1	
41	Quạt gắn tường hiệu Lipan	Cái	1	
42	Bàn mặt đá granite, chân sắt dài 1,3m; ngang 60cm	Cái	1	
43	Ti vi 60inch hiệu Toshiba	Cái	1	
44	Cái ghế	Cái	7	

STT	Tên hạng mục			Đơn vị	Số lượng	Khối lượng
45	Bộ vi tính			Bộ	5	
46	Máy in			Cái	2	
47	Cái bàn: ngang 1,4m; dài 1,6m; chân sắt			Cái	4	
48	Quạt tường hiệu Senko			Cái	1	
49	Máy lạnh			Cái	2	
50	Bàn đá chân sắt			Cái	2	
51	Tủ đựng hồ sơ			Cái	2	
52	Két sắt nhỏ			Cái	1	
53	Khung trưng bày hàng mẫu đá: chất liệu bằng sắt có 25 miếng đá mẫu			Cái	1	
54	Bộ bàn ghế salông bằng gỗ gồm: 01 ghế dài và 02 ghế đơn			Bộ	1	
55	Bộ bàn ghế nhựa giả mây gồm 01 bàn và 04 ghế			Bộ	1	
56	Bàn làm việc bằng gỗ: dài 1,8m; rộng 90cm			Cái	1	
57	Kệ bằng đá, chân gỗ dài 1,2m; rộng 90cm			Cái	1	
58	Ghế ngồi làm việc			Cái	1	
59	Bàn đá, chân gỗ dài (90 x 50)cm			Cái	1	
60	Bức tranh bằng gỗ mã đáo thành công dài 1m98; cao 98cm			Cái	1	
61	**Kệ để đá**					
	Kệ đơn			Cái	83	
	Kệ đôi			Cái	9	
II	**LÔ ĐÁ THÀNH PHẨM**					
1	**Loại đá Perlato**					**43,5**
	Chiều dài (m)	**Chiều rộng (m)**	**Dày (m)**			
	2,9	1,25	0,02	tấm	12	43,5

STT	Tên hạng mục			Đơn vị	Số lượng	Khối lượng
2	**Loại đá Sky Sofita**					**111,285**
	Chiều dài (m)	**Chiều rộng (m)**	**Dày (m)**			
	2,9	1,4	0,02	tấm	2	8,120
	0,75	1	0,02	tấm	3	2,250
	2,4	1,75	0,02	tấm	19	79,800
	1,3	1,85	0,02	tấm	4	9,620
	1,1	0,95	0,02	tấm	11	11,495
3	**Loại đá Emperador Light**					**835,020**
	Chiều dài (m)	**Chiều rộng (m)**	**Dày (m)**			
	2	1,2	0,8	Khối đá dở dang	1	2,400
	2,1	1,4	0,02	tấm	38	111,720
	2	1,5	0,02	tấm	24	72,000
	1,7	1,3	0,02	tấm	20	44,200
	2,9	1,3	0,02	tấm	29	109,330
	2,1	1,65	0,02	tấm	3	10,395
	2,35	1,7	0,02	tấm	19	75,905
	1,9	1	0,02	tấm	9	17,100
	1,4	0,9	0,02	tấm	8	10,080
	1,85	1,4	0,02	tấm	34	88,060
	1,5	1,05	0,02	tấm	22	34,650
	2,3	1,1	0,02	tấm	12	30,360
	1,85	1,4	0,02	tấm	10	25,900
	1,95	1	0,02	tấm	16	31,200

STT	Tên hạng mục			Đơn vị	Số lượng	Khối lượng
	1,55	1,6	0,02	tấm	39	96,720
	2,5	1,5	0,02	tấm	20	75,000
4	**Loại đá Rosallia Light**					**880,4000**
	Chiều dài (m)	**Chiều rộng (m)**	**Dày (m)**			
	1,95	1,4	0,02	tấm	5	13,6500
	3	1,4	0,02	tấm	1	4,2000
	1,5	1,4	0,02	tấm	26	54,6000
	3	1,4	0,02	tấm	9	37,8000
	2,1	1,4	0,02	tấm	4	11,7600
	2,4	1,15	0,02	tấm	44	121,4400
	2,35	1,6	0,02	tấm	3	11,2800
	3	1,1	0,02	tấm	20	66,0000
	1,45	1,8	0,02	tấm	4	10,4400
	2,35	1,6	0,02	tấm	2	7,5200
	2,2	1,3	0,02	tấm	8	22,8800
	2,7	1,8	0,02	tấm	3	14,5800
	2,75	1,9	0,02	tấm	12	62,7000
	2,2	1,25	0,02	tấm	4	11,0000
	1,8	0,85	0,02	tấm	3	4,5900
	2,4	1,35	0,02	tấm	40	129,6000
	2,1	1,4	0,02	tấm	1	2,9400
	1,8	1,45	0,02	tấm	1	2,6100
	1	1,45	0,02	tấm	3	4,3500
	2,3	1,7	0,02	tấm	2	7,8200
	2,65	1,45	0,02	tấm	1	3,8425

STT	Tên hạng mục			Đơn vị	Số lượng	Khối lượng
	1,7	1,6	0,02	tấm	2	5,4400
	1	1,6	0,02	tấm	9	14,4000
	1,1	1,6	0,02	tấm	11	19,3600
	1,7	1,6	0,02	tấm	1	2,7200
	1,55	1,1	0,02	tấm	5	8,5250
	2,65	1,35	0,02	tấm	5	17,8875
	2,1	1,25	0,02	tấm	8	21,0000
	1,7	1,4	0,02	tấm	10	23,8000
	2,2	1,45	0,02	tấm	8	25,5200
	2,6	0,7	0,02	tấm	5	9,1000
	2,35	1,65	0,02	tấm	5	19,3875
	2,35	1,65	0,02	tấm	3	11,6325
	2,35	1,65	0,02	tấm	3	11,6325
	1,3	0,7	0,02	tấm	34	30,9400
	1,2	0,7	0,02	tấm	35	29,4000
	0,9	0,6	0,02	tấm	11	5,9400
	1,15	0,45	0,02	tấm	35	18,1125
5	**Loại đá Goldent Sofita**					**10,64**
	Chiều dài (m)	**Chiều rộng (m)**	**Dày (m)**			
	2,8	1,9	0,02	tấm	2	10,64
6	**Loại đá Goldent Spider**					**621,0375**
	Chiều dài (m)	**Chiều rộng (m)**	**Dày (m)**			
	1,7	0,95	0,02	tấm	26	41,9900
	2	1,1	0,02	tấm	41	90,2000

STT	Tên hạng mục			Đơn vị	Số lượng	Khối lượng
	1,6	1,4	0,02	tấm	26	58,2400
	2,2	1	0,02	tấm	37	81,4000
	2,2	1,1	0,02	tấm	38	91,9600
	2,45	1,1	0,02	tấm	39	105,1050
	1,8	1,65	0,02	tấm	2	5,9400
	2,1	1	0,02	tấm	42	88,2000
	1,6	0,7	0,02	tấm	2	2,2400
	2,45	1,45	0,02	tấm	15	53,2875
	1,1	0,75	0,02	tấm	3	2,4750
7	**Loại đá Nostos**					**310,355**
	Chiều dài (m)	**Chiều rộng (m)**	**Dày (m)**			
	3	1,1	0,6	Khối đá dở dang	1	3,300
	2,7	1,2	0,65	Khối đá dở dang	1	3,240
	2,7	1,05	0,02	tấm	7	19,845
	2,75	1,3	0,02	tấm	1	3,575
	2,95	1,3	0,02	tấm	1	3,835
	2,45	0,95	0,02	tấm	6	13,965
	2,3	1,3	0,02	tấm	10	29,900
	1,85	1,2	0,02	tấm	35	77,700
	2,8	1,65	0,02	tấm	18	83,160
	2,45	1,3	0,02	tấm	4	12,740
	1,3	1,3	0,02	tấm	7	11,830
	2,5	0,95	0,02	tấm	3	7,125

STT	Tên hạng mục			Đơn vị	Số lượng	Khối lượng
	2	1,1	0,02	tấm	3	6,600
	2,15	1,3	0,02	tấm	12	33,540
8	**Loại đá Botticino**					**1157,7850**
	Chiều dài (m)	**Chiều rộng (m)**	**Dày (m)**			
	2,8	1,45	0,02	tấm	25	101,5000
	2,8	1,45	0,02	tấm	20	81,2000
	1,9	1,35	0,02	tấm	1	2,5650
	2,2	1,3	0,02	tấm	24	68,6400
	1,65	0,95	0,02	tấm	1	1,5675
	1,1	1,3	0,02	tấm	1	1,4300
	1,8	1,3	0,02	tấm	20	46,8000
	2,2	1,3	0,02	tấm	8	22,8800
	2,3	1,3	0,02	tấm	42	125,5800
	2,6	1,3	0,02	tấm	43	145,3400
	2,3	1,4	0,02	tấm	2	6,4400
	2,4	1,1	0,02	tấm	1	2,6400
	1,8	1,4	0,02	tấm	2	5,0400
	1,95	1,35	0,02	tấm	39	102,6675
	2,95	1,65	0,02	tấm	1	4,8675
	2,3	1,3	0,02	tấm	1	2,9900
	1,9	0,95	0,02	tấm	13	23,4650
	3	1,02	0,02	tấm	3	9,1800
	3	1,15	0,02	tấm	6	20,7000
	3	1	0,02	tấm	17	51,0000
	3	1,3	0,02	tấm	15	58,5000

STT	Tên hạng mục			Đơn vị	Số lượng	Khối lượng
	2,55	1,45	0,02	tấm	43	158,9925
	1,45	0,8	0,02	tấm	23	26,6800
	2,6	0,75	0,02	tấm	5	9,7500
	1,15	0,9	0,02	tấm	40	41,4000
	2,3	0,8	0,02	tấm	3	5,5200
	1,45	0,75	0,02	tấm	28	30,4500
9	**Đá vàng Bình Định**					**22,911**
	Chiều dài (m)	**Chiều rộng (m)**	**Dày (m)**			
	2,4	1,7	1	Khối đá	1	4,080
	2,8	1,5	1,2	Khối đá	1	5,040
	2,9	1,5	1,3	Khối đá	1	5,655
	2,7	1,6	0,8	Khối đá	1	3,456
	2,6	1,8	1	Khối đá	1	4,680
10	**Đá shera white**					**27,45**
	Chiều dài (m)	**Chiều rộng (m)**	**Dày (m)**			
	3,05	1,5	0,02	tấm	6	27,45
11	**Đá Volakas**					**56,2525**
	Chiều dài (m)	**Chiều rộng (m)**	**Dày (m)**			
	2,55	1,2	0,02	tấm	2	6,1200
	1,7	1,4	0,02	tấm	2	4,7600
	2,1	1,35	0,02	tấm	5	14,1750
	2,65	1,65	0,02	tấm	1	4,3725
	2,9	1,85	0,02	tấm	5	26,8250

STT	Tên hạng mục			Đơn vị	Số lượng	Khối lượng
12	**Loại đá Gream marfil**					**55,745**
	Chiều dài (m)	**Chiều rộng (m)**	**Dày (m)**			
	2,9	1,55	0,02	tấm	11	49,445
	1,2	0,35	0,02	tấm	15	6,300